BIỂU 1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH GỬI NHẬN VĂN BẢN
Từ ngày: 01/01/2020 Đến ngày: 31/12/2020
(Kèm theo văn bản số /BC-UBND ngày …./…../202.. của UBND huyện Tuần Giáo)

STT	Đơn vị	Văn bản đi				Văn bản đến	
		VB đã gửi	VB gửi qua mạng	VB gửi có ký số	Tỷ lệ % ký số	VB đến	VB đến nhận qua mạng
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	6863	6285	5500	**80,14**	7740	5998
2	Trung Tâm Quản Lý Đất Đai	76	65	76	**100,00**	4	124
3	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	111	96	106	**95,50**	503	604
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	223	211	208	**93,27**	4	794
5	Phòng Dân Tộc	37	36	31	**83,78**	1036	145
6	Phòng Nông nghiệp - PTNT	59	53	47	**79,66**	6	805
7	Ủy ban nhân dân xã Mường Mùn	42	38	33	**78,57**	89	329
8	Phòng Lao Động-TBXH	73	62	57	**78,08**	273	452
9	Phòng Giáo dục - Đào tạo	1053	945	787	**74,74**	2946	339
10	Phòng Tư Pháp	86	79	60	**69,77**	113	239
11	Trung tâm Văn Hóa - Truyền thanh-Truyền hình	84	84	56	**66,67**	0	73
12	Ủy ban nhân dân xã Mùn Chung	139	85	90	**64,75**	1377	329
13	Ủy ban nhân dân xã Tênh Phông	338	317	199	**58,88**	713	315
14	Ủy ban nhân dân xã Chiềng Đông	214	194	119	**55,61**	1406	325
15	Phòng Văn Hóa -TT	121	119	67	**55,37**	160	487
16	Ủy ban nhân dân xã Nà Sáy	206	116	104	**50,49**	409	321
17	Ủy ban nhân dân xã Pú Xi	77	71	35	**45,45**	22	322
18	Ủy ban nhân dân Thị Trấn	180	144	67	**37,22**	1489	333
19	Ủy ban nhân dân xã Quài Nưa	131	61	47	**35,88**	887	329
20	Thanh Tra huyện	18	18	3	**16,67**	0	150
21	Ủy ban nhân dân xã Mường Thín	83	75	8	**9,64**	1406	317
22	Ủy ban nhân dân xã Pú Nhung	21	19	2	**9,52**	798	322
23	Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh	14	12	1	**7,14**	1311	321
24	Phòng Tài Nguyên & MT	76	37	4	**5,26**	81	485
25	Ủy ban nhân dân xã Tỏa Tình	80	64	1	**1,25**	2	320
26	Uỷ ban nhân dân xã Ta Ma	167	158	2	**1,20**	59	316
27	Phòng Nội Vụ	101	93	1	**0,99**	4	608
28	Ủy ban nhân dân xã Nà Tòng	111	103	1	**0,90**	1054	320
29	Ủy ban nhân dân xã Rạng Đông	123	114	1	**0,81**	1476	322
30	Ủy ban nhân dân xã Quài Cang	157	151	1	**0,64**	975	332
31	Trung tâm giáo dục NN-GDTX	4	3	0	**0,00**	0	30
32	Ủy ban nhân dân xã Mường Khong	12	6	0	**0,00**	10	319
33	Ban Quản Lý Dự Án	42	38	19	**0,00**	0	234
34	Ủy ban nhân dân xã Quài Tở	139	69	0	**0,00**	1584	330
35	Ủy ban nhân dân xã Phình Sáng	433	6	0	**0,00**	1140	318
36	Phòng Y Tế	0	0	0		0	154
37	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	0	0	0		1	102

Tổng	**11.694**	**10.027**	**7.733**	**66**	**29.078**	**17.963**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 2,3,4
TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG NĂM 2020

BIỂU 2

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

(Kèm theo văn bản số /BC-UBND ngày …./01/2021. của UBND huyện Tuần Giáo)

STT	Cơ quan	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết							Hồ sơ rút	Hồ sơ trả lại
						Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết				
		Tổng hồ sơ	Trực tuyến	Kỳ trước chuyển	Trực tiếp	Tổng số	Sớm hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
1	**UBND huyện Tuần Giáo**	**3033**	**35**		**2998**	**2961**	**2926**		**35**	**72**	**72**			**80**
2	UBND Thị trấn Tuần Giáo	3650			3650	3647	3515		132	3	2	1		
3	UBND Xã Quài Cang	776			776	776	758		18					
4	UBND Xã Chiềng Đông	654			654	654	638		16					
5	UBND Xã Phình Sáng	490		1	489	490	465	1	24					
6	UBND Xã Quài Nưa	381		1	380	381	377		4					
7	UBND Xã Ta Ma	239			239	239	237		2					
8	UBND Xã Quài Tở	197			197	196	127		69	1		1		
9	UBND Xã Rạng Đông	178		1	177	178	159		19					
10	UBND Xã Mường Thín	147			147	146	139		7	1		1		
11	UBND Xã Pú Xi	124			124	124	116		8					
12	UBND Xã Mùn Chung	99			99	99	92		7					1
13	UBND Xã Tênh Phông	66			66	64	18	40	6	2		2		
14	UBND Xã Chiềng Sinh	63		1	62	63	58		5					
15	UBND Xã Nà Sáy	37			37	37	35		2					
16	UBND Xã Tỏa Tình	28			28	28	28							
17	UBND Xã Pú Nhung	7			7	4	4			3		3		
18	UBND Xã Nà Tòng	1			1					1		1		
19	UBND Xã Mường Mùn													
20	UBND Xã Mường Khong													
Tổng		**10170**	**35**	**4**	**10131**	**10087**	**9692**	**41**	**354**	**83**	**74**	**9**		**81**

BIỂU 3

BÁO CÁO TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3
TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG NĂM 2020

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

(Kèm theo văn bản số /BC-UBND ngày …./01/2021 của UBND huyện Tuần Giáo)

STT	Cơ quan	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết							Hồ sơ rút	Hồ sơ trả lại
						Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết				
		Tổng hồ sơ	Trực tuyến	Kỳ trước chuyển	Trực tiếp	Tổng số	Sớm hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
1	UBND huyện Tuần Giáo	1495	35		1460	1451	1439		12	44	44			18
2	UBND Xã Phình Sáng	314		1	313	314	294		20					
3	UBND Xã Ta Ma	239			239	239	237		2					
4	UBND Xã Quài Cang	171			171	171	156		15					
5	UBND Xã Quài Tở	144			144	143	76		67	1		1		
6	UBND Xã Quài Nưa	116		1	115	116	114		2					
7	UBND Xã Rạng Đông	114		1	113	114	95		19					
8	UBND Xã Pú Xi	100			100	100	92		8					
9	UBND Xã Mùn Chung	92			92	92	85		7					1
10	UBND Thị trấn Tuần Giáo	91			91	91	86		5					
11	UBND Xã Mường Thín	44			44	44	43		1					
12	UBND Xã Chiềng Sinh	32		1	31	32	28		4					
13	UBND Xã Tỏa Tình	23			23	23	23							
14	UBND Xã Tênh Phông	21			21	20	14		6	1		1		
15	UBND Xã Nà Sáy	18			18	18	16		2					
16	UBND Xã Pú Nhung	2			2	2	2							
17	UBND Xã Nà Tòng	1			1					1		1		
18	UBND Xã Chiềng Đông	1			1	1	1							
19	UBND Xã Mường Mùn													
20	UBND Xã Mường Khong													
Tổng		**3018**	**35**	**4**	**2979**	**2971**	**2801**		**170**	**47**	**44**	**3**		**19**

BIỂU 4

BÁO CÁO TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4
TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG NĂM 2020
Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020
(Kèm theo văn bản số /BC-UBND ngày …./01/2021. của UBND huyện Tuần Giáo)

STT	Cơ quan	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết							Hồ sơ rút	Hồ sơ trả lại
						Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết				
		Tổng hồ sơ	Trực tuyến	Kỳ trước chuyển	Trực tiếp	Tổng số	Sớm hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
1	UBND huyện Tuần Giáo	10	0	0	10	10	10	0	0	0	0	0	0	0
Tổng		**10**	**0**	**0**	**10**	**10**	**10**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

BIỂU 5

BÁO CÁO TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ TRỰC TUYẾN - CHIA THEO LĨNH VỰC MỨC ĐỘ 3
TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG NĂM 2020

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

(Kèm theo văn bản số /BC-UBND ngày …./01/2021. của UBND huyện Tuần Giáo)

STT	Chia theo lĩnh vực	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết							Hồ sơ rút	Hồ sơ trả lại
						Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết				
		Tổng hồ sơ	Trực tuyến	Kỳ trước chuyển	Trực tiếp	Tổng số	Sớm hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
1	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội cấp huyện	564	16		548	521	521			43	43			5
2	Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm cấp huyện	477	1		476	477	473		4					2
3	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) cấp huyện	187	18		169	187	185		2					
4	Lĩnh vực Đất đai cấp huyện	141			141	141	141							10
5	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội cấp huyện	119			119	119	113		6					1
6	Lĩnh vực Kinh doanh khí cấp huyện	7			7	6	6			1	1			
7	Lĩnh vực An toàn lao động cấp huyện													
8	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng cấp huyện													
9	Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em cấp huyện													
10	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật cấp huyện													
11	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước cấp huyện													
12	Lĩnh vực Chứng thực													
13	Lĩnh vực Công chức cấp huyện													
14	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương cấp huyện													
15	Lĩnh vực Dân tộc cấp huyện													
16	Lĩnh vực Gia đình cấp huyện													
17	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại cấp huyện													

STT	Chia theo lĩnh vực	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết							Hồ sơ rút	Hồ sơ trả lại
		Tổng hồ sơ	Trực tuyến	Kỳ trước chuyển	Trực tiếp	Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết				
						Tổng số	Sớm hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
18	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo cấp huyện													
19	Lĩnh vực Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cấp huyện													
20	Lĩnh vực Giáo dục Mầm non cấp huyện													
21	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp cấp huyện													
22	Lĩnh vực Giáo dục Thường xuyên cấp huyện													
23	Lĩnh vực Giáo dục Tiểu học cấp huyện													
24	Lĩnh vực Giáo dục Trung học cấp huyện													
25	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo (Tiếp nhận hồ sơ tại phòng)													
26	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo cấp huyện													
27	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân cấp huyện													
28	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác cấp huyện													
29	Lĩnh vực Hộ tịch cấp huyện													
30	Lĩnh vực Kết cấu hạ tầng và đô thị cấp huyện													
31	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn cấp huyện													
32	Lĩnh vực Lâm nghiệp cấp huyện													
33	Lĩnh vực Lao động tiền lương cấp huyện													
34	Lĩnh vực Lễ hội cấp huyện													

STT	Chia theo lĩnh vực	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết							Hồ sơ rút	Hồ sơ trả lại
		Tổng hồ sơ	Trực tuyến	Kỳ trước chuyển	Trực tiếp	Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết				
						Tổng số	Sớm hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
35	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước cấp huyện													
36	Lĩnh vực Môi trường cấp huyện													
37	Lĩnh vực Người có công cấp huyện													
38	Lĩnh vực Nhà ở và công sở cấp huyện													
39	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện													
40	Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp huyện													
41	Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật cấp huyện													
42	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội cấp huyện													
43	Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng cấp huyện													
44	Lĩnh vực Quản lý công sản cấp huyện													
45	Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng cấp huyện													
46	Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước cấp huyện													
47	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, kiến trúc cấp huyện													
48	Lĩnh vực Tài Chính cấp huyện													
49	Lĩnh vực Tài nguyên nước cấp huyện													
50	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã cấp huyện													
51	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng cấp huyện													

STT	Chia theo lĩnh vực	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết							Hồ sơ rút	Hồ sơ trả lại
		Tổng hồ sơ	Trực tuyến	Kỳ trước chuyển	Trực tiếp	Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết				
						Tổng số	Sớm hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
52	Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng cấp huyện													
53	Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng Trung ương cấp huyện													
54	Lĩnh vực Thư viện cấp huyện													
55	Lĩnh vực Thú y cấp huyện													
56	Lĩnh vực Thủy lợi cấp huyện													
57	Lĩnh vực Tiếp công dân cấp huyện													
58	Lĩnh vực Tổ chức bộ máy nhà nước cấp huyện													
59	Lĩnh vực Tổ chức hội cấp huyện													
60	Lĩnh vực Tôn giáo cấp huyện													
61	Lĩnh vực Tôn giáo Chính phủ cấp huyện													
62	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở cấp huyện													
63	Lĩnh vực Xử lý đơn thư cấp huyện													
64	Lĩnh vực Xuất Bản cấp huyện													
65	Lĩnh vực Đấu thầu cấp huyện													
66	Lĩnh vực Đường thủy nội địa cấp huyện													
Tổng		**1495**	**35**		**1460**	**1451**	**1439**		**12**	**44**	**44**			**18**

BIỂU 6

BÁO CÁO TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ TRỰC TUYẾN - CHIA THEO LĨNH VỰC MỨC ĐỘ 4
TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG NĂM 2020
Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020
(Kèm theo văn bản số /BC-UBND ngày …./01/2021. của UBND huyện Tuần Giáo)

STT	Chia theo lĩnh vực	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết							Hồ sơ rút	Hồ sơ trả lại
		Tổng hồ sơ	Trực tuyến	Kỳ trước chuyển	Trực tiếp	Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết				
						Tổng số	Sớm hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
1	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước cấp huyện	7			7	7	7							
2	Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp huyện	2			2	2	2							
3	Lĩnh vực Đất đai cấp huyện	1			1	1	1							
4	Lĩnh vực An toàn lao động cấp huyện													
5	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng cấp huyện													
6	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội cấp huyện													
7	Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em cấp huyện													
8	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật cấp huyện													
9	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước cấp huyện													
10	Lĩnh vực Chứng thực													
11	Lĩnh vực Công chức cấp huyện													
12	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương cấp huyện													
13	Lĩnh vực Dân tộc cấp huyện													
14	Lĩnh vực Gia đình cấp huyện													
15	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại cấp huyện													
16	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo cấp huyện													
17	Lĩnh vực Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cấp huyện													
18	Lĩnh vực Giáo dục Mầm non cấp huyện													

19	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp cấp huyện													
20	Lĩnh vực Giáo dục Thường xuyên cấp huyện													
21	Lĩnh vực Giáo dục Tiểu học cấp huyện													
22	Lĩnh vực Giáo dục Trung học cấp huyện													
23	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo (Tiếp nhận hồ sơ tại phòng)													
24	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo cấp huyện													
25	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân cấp huyện													
26	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác cấp huyện													
27	Lĩnh vực Hộ tịch cấp huyện													
28	Lĩnh vực Kết cấu hạ tầng và đô thị cấp huyện													
29	Lĩnh vực Kinh doanh khí cấp huyện													
30	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn cấp huyện													
31	Lĩnh vực Lâm nghiệp cấp huyện													
32	Lĩnh vực Lao động tiền lương cấp huyện													
33	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội cấp huyện													
34	Lĩnh vực Lễ hội cấp huyện													
35	Lĩnh vực Môi trường cấp huyện													
36	Lĩnh vực Người có công cấp huyện													
37	Lĩnh vực Nhà ở và công sở cấp huyện													
38	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện													
39	Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật cấp huyện													

40	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội cấp huyện													
41	Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng cấp huyện													
42	Lĩnh vực Quản lý công sản cấp huyện													
43	Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng cấp huyện													
44	Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước cấp huyện													
45	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, kiến trúc cấp huyện													
46	Lĩnh vực Tài Chính cấp huyện													
47	Lĩnh vực Tài nguyên nước cấp huyện													
48	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã cấp huyện													
49	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) cấp huyện													
50	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng cấp huyện													
51	Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng cấp huyện													
52	Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng Trung ương cấp huyện													
53	Lĩnh vực Thư viện cấp huyện													
54	Lĩnh vực Thú y cấp huyện													
55	Lĩnh vực Thủy lợi cấp huyện													
56	Lĩnh vực Tiếp công dân cấp huyện													
57	Lĩnh vực Tổ chức bộ máy nhà nước cấp huyện													
58	Lĩnh vực Tổ chức hội cấp huyện													
59	Lĩnh vực Tôn giáo cấp huyện													
60	Lĩnh vực Tôn giáo Chính phủ cấp huyện													
61	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở cấp huyện													
62	Lĩnh vực Xử lý đơn thư cấp huyện													

63	Lĩnh vực Xuất Bản cấp huyện													
64	Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm cấp huyện													
65	Lĩnh vực Đấu thầu cấp huyện													
66	Lĩnh vực Đường thủy nội địa cấp huyện													
Tổng		**10**			**10**	**10**	**10**							